

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH QU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 6 -2024

V/v: Ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH QU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan thị Tuyết và bà Nguyễn Thuỳ Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhạn- Thư ký Tòa án nhân dân huyện B

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Quỳnh Chi- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Qu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 23/2024/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Phan Thị Thanh H**, sinh năm 1992

Nơi cư trú: thôn Đồng Sơn, xã S, huyện B, tỉnh Qu. Có mặt

Bị đơn: **Anh Đoàn Xuân Th**, sinh năm 1984

Nơi cư trú: thôn Đồng Sơn, xã S, huyện B, tỉnh Qu. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa hôm chị Phan Thị Thanh H trình bày:

Chị và anh Đoàn Xuân Th kết hôn vào ngày 16/9/2016 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Qu trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Th không lo làm ăn để chăm lo cho cuộc sống gia đình, đã nhiều lần chị H góp ý để anh Th khắc phục nhưng không có kết quả. Đầu năm 2019 vợ chồng chị quyết định sống ly thân. Đến tháng 9 năm 2022 vợ chồng quay lại chung sống với nhau nhưng không hoà thuận, anh Th vẫn không chăm lo xây dựng gia đình. Vì vậy, chị H làm đơn xin ly hôn anh Đoàn Xuân Th.

Về con chung: quá trình chung sống, vợ chồng chị H có 01 con chung tên là Đoàn Xuân Đ, sinh ngày 27/02/2017. Nguyên vọng của chị H mong muốn được nuôi con, chị H trình bày có đủ điều kiện để nuôi con một mình nên không yêu cầu anh Th đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: không có.

Theo trình bày của bị đơn – anh Đoàn Xuân Th tại biên bản hoà giải ngày 16/5/2024, đơn trình bày và đơn xin xét xử vắng mặt: anh thừa nhận về quá trình kết hôn như trình bày của chị H. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng anh chị đã ly thân, chị H làm đơn ly hôn anh Th đồng ý vì tình cảm không còn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Đoàn Xuân Đ, sinh ngày 27/02/2017, anh Th nhất trí giao con cho chị H chăm sóc.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp và phiên hòa giải vào ngày 26/3/2024. Tuy nhiên tại phiên họp chị H có mặt còn anh Th vắng mặt nên không thể tổ chức hòa giải được. Ngày 05/4/2024, Tòa án nhân dân huyện B nhân được đơn xin xét xử vắng mặt và đơn trình bày đề ngày 29/3/2024 của anh Đoàn Xuân Th. Ngày 16/5/2024, Tòa án nhân dân huyện B đã tổ chức phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã S, tại buổi hoà giải chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh Th nhất trí ly hôn.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện B phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81,82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị Thanh H đối với anh Đoàn Xuân Th. Xử cho chị Phan Thị Thanh H được ly hôn anh Đoàn Xuân Th. Về quan hệ con chung: Giao con chung Đoàn Xuân Đ, sinh ngày 27/02/2017 cho chị Phan Thị Thanh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Đoàn Xuân Th không phải đóng góp tiền nuôi con. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không xem xét. Chị H phải nộp tiền án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện chị Phan Thị Thanh H đề nghị Tòa án nhân dân huyện B giải quyết ly hôn đối với anh Đoàn Xuân Th, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn và tranh chấp nuôi con”; anh Th có hộ khẩu thường trú tại thôn Đồng Sơn, xã S, huyện B, tỉnh Qu do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Đoàn Xuân Th đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, lý do xin xét xử vắng mặt của anh là chính đáng, vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt anh Đoàn Xuân Th.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Thanh H và anh Đoàn Xuân Th kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện B, tỉnh Qu ngày 16/9/2016, vì vậy hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị H và anh Th chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, mặc dù chị H đã cố gắng để vun đắp tình cảm nhưng tình trạng mâu thuẫn không được cải thiện. Quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh Th đều thừa nhận vợ chồng không còn tình cảm, chị H giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H đã đến mức độ trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị H xử cho chị Phan Thị Thanh H được ly hôn anh Đoàn Xuân Th là phù hợp.

- Về quan hệ con chung: chị Phan Thị Thanh H và anh Đoàn Xuân Th có 01 con chung tên là Đoàn Xuân Đ, sinh ngày 27/02/2017. Chị H có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh Th đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con và anh Th cũng đồng ý. Chị H trình bày đảm bảo đủ khả năng kinh tế một mình nuôi con, Hội đồng xét xử giao con cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung: Tại biên bản hoà giải vợ chồng chị H, anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Vợ chồng chị H trình bày không có nợ chung nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí vụ kiện: Chị Phan Thị Thanh H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn để sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vắng mặt anh Đoàn Xuân Th.
2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Thanh H, xử cho chị Phan Thị Thanh H được ly hôn anh Đoàn Xuân Th.
3. Về quan hệ con chung: Giao 01 con chung tên là Đoàn Xuân Đ, sinh ngày 27/02/2017 cho chị Phan Thị Thanh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Đoàn Xuân Th không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.
Sau ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản.
4. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không xem xét.
5. Về án phí vụ kiện: Chị Phan Thị Thanh H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Qu theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002562 ngày 07 tháng 3 năm 2024, chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (18/6/2024); bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND huyện B;
 - Chi cục THADS huyện B;
 - TAND tỉnh Qu;
 - UBND xã S
- Số giấy CNKH 13 ngày 16/9/2016
tại UBND xã S;
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Lan Phương

